ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ NGHÈO NĂM 2020

Mã số hộ nghèo	STT	Họ và tên chủ hộ và thành viên	Năm sinh		Địa chỉ	Ghi chú
			Nam	Nữ		
A	B	C	1	2	3	4
011	1	**Lư Hữu Thọ**	**22/05/1997**		**Trung Binh Nhất**	
	2	Lư Thị Kim Loan		29/10/2002		
018	3	**Phan Thị Bào**		**1950**	**Trung Binh Nhất**	
023	4	**Phan Văn Quang**	**1961**		**Trung Binh Nhất**	
	5	Phan Văn Khến	1984			
	6	Phan Văn Cạnh	1986			
	7	Phan Thị Kim Anh		19/10/1998		
	8	Phan Văn Cảnh	12/12/2014			
	9	Phan Văn Qui	1984			
	10	Lê Thị Huyền Trang		1989		
	11	Võ Thị Thúy Diễm		1997		
466	12	**Nguyễn Phong Hào**	11/4/1998			
467	13	**Phan Thị Vỏn**		**1946**	**Trung Bình Nhất**	
561	14	**Nguyễn Thái Trân**	**1952**		**Trung Binh Nhất**	
	15	Nguyễn Thị Muôn		1958		
571	16	**Tô Thị Út Thạch**		**1963**	**Trung Binh Nhất**	
031	17	**Nguyễn Thị Veo**		**1966**	**Trung Bình Nhì**	
	18	Nguyễn Văn Viên	1971			
	19	Nguyễn Chí Linh	24/5/2005			
043	20	**Bùi Văn Bền**	**1951**		**Trung Bình Nhì**	
	21	Trần Thị Kim Quới		1950		
	22	Bùi Văn Phường	9/9/1981			
	23	Phạm Thị Xương		1979		
	24	Bùi Văn Phú	10/12/2002			
	25	Bùi Như Ngọc Tỷ		01/09/2008		
473	26	**Nguyễn Ngọc Bi**	**1950**		**Trung Bình Nhì**	
606	27	**Đặng Thị Kim Liệt**		**1955**	**Trung Bình Nhì**	
	28	Lê Thị Bích Tuyền		1974		
	29	Lê Phước Hiền	1976			
	30	Đỗ Thị Cẩm Tú		1999		
612	31	**Nguyễn Thị Lệ**		**5/1/1967**	**Trung Bình Nhì**	
	32	Nguyễn Thị Thu Viện		16/1/1994		

Mã số hộ nghèo	STT	Họ và tên chủ hộ và thành viên	Năm sinh		Địa chỉ	Ghi chú
			Nam	Nữ		
	33	Nguyễn Thiện Bảo	5/3/2012			
594	34	**Nguyễn Văn Kiển**	**1943**		**Trung Bình Nhì**	
	35	Phan Thị Xê		1950		
	36	Nguyễn Thị Đẹp		2/8/1989		
	37	Trần Văn Lắm	1985			
079	38	**Trương Thị Phước**		**1955**	**Trung Bình Tiến**	
	39	Trương Văn Đình	1964			
080	40	**Nguyễn Văn Thanh**	**29/9/1960**		**Trung Bình Tiến**	
	41	Vũ Thị Ninh Gương		1953		
065	42	**Nguyễn Thị Nỉ**		**1951**	**Trung Bình Tiến**	
470	43	**Dương Văn Giàu**	**1949**		**Trung Bình Tiến**	
635	44	**Cao Chí Tâm**	**1974**		**Trung Bình Tiến**	
	45	Trần Thị Lệ Hoa		1978		
	46	Cao Chí Vĩ	04/06/1997			
	47	Cao Thị Thúy Vy		25/10/1999		
	48	Cao Long Tiến	17/08/1960			
160	49	**Nguyễn Văn Mang**	**1959**		**Vĩnh Tây**	
	50	Dương Thị Thật		1977		
	51	Nguyễn Văn Sang	15/8/2002			
161	52	**Ngô Văn Quẩn**	**1938**		**Vĩnh Tây**	
	53	Nguyễn Thị Phú		1947		
152	54	**Nguyễn Văn Quí**	**1943**		**Vĩnh Tây**	
	55	Phạm Thị Cẩm Hồng		1943		
657	56	**Nguyễn Thị Lan**		1941	**Vĩnh Tây**	
664	57	**Võ Thị Phấn**		1938	**Vĩnh Tây**	
	58	Võ Thị Xu		1943		
	59	Võ Thị Đào		1972		
	60	Dương Thị Kim Yến		8/11/2004		
164	61	**Vương Quang Tổng**	**1941**		**Vĩnh An**	
	62	Nguyễn Thị Út		1943		
	63	Vương Thành Quang	1982			
	64	Vương Thanh Hoài	2005			
177	65	**Trương Thị Ngọc Xoàn**		**1947**	**Vĩnh An**	
179	66	**Nguyễn Thị Tâm**		**1938**	**Vĩnh An**	
	67	Huỳnh Thị Lê		1974		
	68	Huỳnh Chí Tài	16/10/2004			
167	69	**Nguyễn Thị Gương**		**1936**	**Vĩnh An**	
	70	Thái Thị Cẩm Thu		2001		
	71	Hồ Minh Hòa	2002	2		

Mã số hộ nghèo	STT	Họ và tên chủ hộ và thành viên	Năm sinh		Địa chỉ	Ghi chú
			Nam	Nữ		
	72	Hồ Thị Minh Thư		2004		
175	73	**Trịnh Văn Xê**	**1937**		**Vĩnh An**	
	74	Trần Thị Chọn		1941		
	75	Trịnh Văn Út	1982			
	76	Trần Thị Lệ Quyên		1979		
673	77	**Nguyễn Thị Thu Dân**		**1957**	**Vĩnh An**	
	78	Đặng Thị Thủy Tiên		2001		
144	79	**Đoàn Kim Loan**		**1974**	**Tây Bình**	
	80	Đoàn Anh Đô	1997			
	81	Đoàn Thành Đạt	2006			
	82	Đoàn Anh Khoa	24/9/2000			
149	83	**Nguyễn Trung Đương**	**1965**		**Tây Bình**	
	84	Tô Thị Tuyết Nga		1969		
	85	Nguyễn Thị Tường Vi		2009		
	86	Nguyễn Tấn Huệ	1989			
	87	Nguyễn Văn Hiên	1991			
	88	Nguyễn Đức Tuấn	2011			
472	89	**Trương Công Khách**	**1971**		**Tây Bình**	
	90	Trương Thị Huỳnh Lang		1996		
	91	Trương Thị Huỳnh Như		12/12/2004		
	92	Phan Thành Huy	2/8/2009			
	93	Phan Ngọc Trúc Lam		18/1/2014		
	94	Phan Ngọc Trúc Linh		18/1/2014		
	95	Thái Đông	1970			
707	96	**Đặng Văn Khen**	**1949**		**Tây Bình**	
	97	Hồ Thị Điệp		1949		
	98	Đặng Trung Tường	19/5/2003			
719	99	**Trần Thị Lang**		**1937**	**Tây Bình**	
	100	Võ Văn Còn	1979			
721	101	**Nguyễn Văn Ngà**	**1954**		**Tây Bình**	
	102	Đặng Kim luyến		18/6/1949		
	103	Nguyễn Văn Phòng	1986			
	104	Nguyễn Thị Xuân Thương		19/1/1997		
	105	Nguyễn Thị Ngọc Vy		12/3/2012		
122	106	**Trương Thành Các**	**1959**		**Vĩnh Trung**	
	107	Trương Thị Cẩm Thu		2000		
	108	Nguyễn Thị Chắng		1966		
113	109	**Tô Thị Chính**		**1948**	**Vĩnh Trung**	
111	110	**Phạm Văn An**	**1973**	3	**Vĩnh Trung**	

Mã số hộ nghèo	STT	Họ và tên chủ hộ và thành viên	Năm sinh		Địa chỉ	Ghi chú
			Nam	Nữ		
	111	Trịnh Thị Mỹ Trang		1978		
	112	Phạm Thị Mỹ Duyên		2000		
	113	Phạm Thị Mỹ Duyên		2003		
	114	Phạm Thiện Khang	2006			
110	115	**Trương Thị Bảy**		**1932**	**Vĩnh Trung**	
108	116	**Huỳnh Thị Hoa**		**9/11/1939**	**Vĩnh Trung**	
104	117	**Trần Hữu Cội**	**1950**		**Vĩnh Trung**	
087	118	**Đặng Văn Tỷ**	**1946**		**Vĩnh Trung**	
	119	Huỳnh Thị Chấm		1950		
	120	Đặng Văn Lời	1985			
468	121	**Huỳnh Công Hùng**	**1983**		**Vĩnh Trung**	
	122	Nguyễn Kim Hiền		1978		
	123	Huỳnh Công Vĩ	11/4/2005			
	124	Nguyễn Chí Khang	24/3/1999			
	125	Nguyễn Thị Thanh Thúy		1977		
470	126	**Đặng Văn Tuấn**	**1983**		**Vĩnh Trung**	
	127	Lê Thị Mỹ Châu		1985		
	128	Đặng Văn Trọng	09/08/2006			
	129	Đặng Minh Hoàng	26/03/2008			
	130	Đặng Quốc Thịnh	16/10/2013			
781	131	**Đặng Thị Hồng**		**1975**	**Vĩnh Trung**	
	132	Đào Thái Sang	7/1/1998			
	133	Đào Ngọc Giàu		1/7/2006		
	134	Đào Trương Nhựt Giang	24/9/1974			
782	135	**Nguyễn Thị Mai**		**1937**	**Vĩnh Trung**	
865	136	**Nguyễn Thị Hằng**		**1948**	**Vĩnh Trung**	
866	137	**Trương Thị Thu Hồng**		**1952**	**Vĩnh Trung**	
	138	Võ Bá Thành	1979			
48	138	**Tổng cộng**	**66**	**72**		

Lập biểu

Trần Thị Diệu Hiền

Vĩnh Trạch, ngày 01 tháng 11 năm 2019

TM. UBND XÃ VĨNH TRẠCH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Bá Lộc